

Số: 89 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 10 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (đợt 27)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 24/05/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định và 04 dự án*

*Khu Tái định cư - Dân cư thuộc Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A tại Phân khu 7, Khu kinh tế Nhơn Hội;*

*Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại Tờ trình số 03/TTr-HĐBT ngày 03/01/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân có đất ở, tài sản bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (đợt 27), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **20.039.682.157 đồng** (Hai mươi tỷ, không trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, một trăm năm mươi bảy đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 19.646.747.213 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 392.934.944 đồng.

*(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)*

2. Bố trí tái định cư cho 09 hộ dân đủ điều kiện tại Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A.

*(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)*

\* Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

**Điều 2.** Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Giám đốc Công ty cổ phần Becamex Bình Định; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**



**Phụ lục số 01**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN  
 DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH  
 TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 27)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi KCN (m <sup>2</sup> )	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)					Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa VKT	Cây cối, hoa màu	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Đất ở được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được HT (m <sup>2</sup> )	Đất NN được BT (m <sup>2</sup> )	Bồi thường về đất (đồng)	Hỗ trợ 200m <sup>2</sup> theo đơn giá đất ở (đồng)	Hỗ trợ 50% giá đất vườn (đồng)	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống						
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	n	o	p	1	2	3	4	5	6=1+2+3+4+5	
1	Cao Thanh Chánh	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	1	14	T+ Vườn	5.580,3	5.580,3	400,0	2.630,0	200,0	2.350,3	673.004.400	200.000.000	250.000.000	600.065.700	79.200.000	1.802.270.100	459.294.510	312.912.800	27.000.000	7.000.000	2.608.477.410
2	Trần Văn Bông	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	335	13	T+ Vườn	4.744,5	4.744,5	400,0	2.564,0	200,0	1.580,5	1.139.545.800	360.000.000	450.000.000	852.593.700	54.450.000	2.856.589.500	492.700.132	186.670.050	27.000.000	7.000.000	3.569.959.682
			338	13	T+ Vườn	5.354,2	5.354,2	400,0	1.490,0	200,0	3.264,2											
3	Nguyễn Văn Bày, vợ Huỳnh Thị Thu Hà	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	427	13	T+ Vườn	1.020,9	1.020,9	400,0	420,9	200,0	0,0	435.039.925	200.000.000	210.450.000	70.079.850	59.400.000	974.969.775	368.910.338	44.081.100	27.000.000	7.000.000	1.421.961.213
4	Huỳnh Diệt, vợ Phan Thị Huy	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	424	13	T+ Vườn	4.188,3	4.188,3	400,0	1.985,0	200,0	1.603,3	602.127.150	200.000.000	250.000.000	441.130.200	7.920.000	1.501.177.350	456.231.077	217.707.800	27.000.000	7.000.000	2.209.116.227
5	Nguyễn Văn Hào, vợ Lê Thị Phụ	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	331	13	T+ Vườn	1.212,2	1.212,2	400,0	612,2	200,0		450.965.650	200.000.000	250.000.000	101.931.300	23.760.000	1.026.656.950	474.789.557	45.904.500	27.000.000	7.000.000	1.581.351.007
6	Nguyễn Văn Muơng, vợ Trương Thị Mai	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	330	13	T+ Vườn	2.279,5	2.279,5	400,0	1.330,0	200,0	349,5	518.761.000	200.000.000	250.000.000	245.560.500	47.520.000	1.261.841.500	438.037.713	71.787.100	27.000.000	7.000.000	1.805.666.313

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi KCN (m <sup>2</sup> )	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)				Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa VKT	Cây cối, hoa màu	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	
								Đất ở được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được HT (m <sup>2</sup> )	Đất NN được BT (m <sup>2</sup> )	Bồi thường về đất (đồng)	Hỗ trợ 200m <sup>2</sup> theo đơn giá đất ở (đồng)	Hỗ trợ 50% giá đất vườn (đồng)	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm (đồng)							Hỗ trợ ổn định đời sống
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	n	o	p	1	2	3	4	5	6=1+2+3+4+5	
7	Cao Cuộc	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	6	14	T+ Vườn	2.517,9	2.517,9	400,0	1.280,0	200,0	637,9	481.231.700	180.000.000	225.000.000	257.135.100	29.700.000	1.173.066.800	595.794.906	78.464.000	27.500.000	7.000.000	1.881.825.706
8	Cao Thị Trữu	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	7	14	T+ Vườn	1.870,9	1.870,9	400,0	870,0	200,0	400,9	441.648.200	180.000.000	225.000.000	172.517.100	34.650.000	1.053.815.300	662.757.961	49.180.000	27.000.000	7.000.000	1.799.753.261
9	Nguyễn Hồng Đức, vợ Trần Thị Gái	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	225	2	CLN	3.210,4	2.818,9				2.818,9	64.834.700			194.504.100	0	259.338.800		62.456.000		321.794.800	
10	Hà Thị Mươi	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	219	2	CLN+ RSX	8.025,7	7.630,4				7.630,4	122.333.500			242.947.200	0	365.280.700	290.528.803	97.113.700		7.000.000	759.923.203
11	Nguyễn Tao (chết), con Nguyễn Công Mẫn ĐĐKK	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	220	2	T+ Vườn	6.142,5	5.659,8					471.178.350			942.356.700	54.450.000	1.467.985.050	104.711.043	114.222.300			1.686.918.393
			221	2	T+ Vườn	3.788,6																
<b>A</b>	<b>Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ</b>					<b>49.935,9</b>	<b>44.877,8</b>	<b>3.600,0</b>	<b>18.841,9</b>	<b>1.800,0</b>	<b>20.635,9</b>	<b>5.400.670.375</b>	<b>1.720.000.000</b>	<b>2.110.450.000</b>	<b>4.120.821.450</b>	<b>391.050.000</b>	<b>13.742.991.825</b>	<b>4.343.756.038</b>	<b>1.280.499.350</b>	<b>216.500.000</b>	<b>63.000.000</b>	<b>19.646.747.213</b>
<b>B</b>	<b>Chi phí phục vụ GPMB (2%)</b>																					<b>392.934.944</b>
<b>C</b>	<b>Tổng cộng</b>																					<b>20.039.682.157</b>

## Phụ lục số 02

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC HỘ DÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH  
TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 27)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi KCN (m <sup>2</sup> )	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Diện tích đất ở đủ điều kiện giao đất tái định cư (m <sup>2</sup> )	Khu tái định cư	Ghi chú
								Đất ở được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được HT (m <sup>2</sup> )	Đất NN được BT (m <sup>2</sup> )			
1	Cao Thanh Chánh	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	1	14	T + Vườn	5.580,3	5.580,3	400,0	2.630,0	200,0	2.350,3	400,0	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	
2	Trần Văn Bông	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	335	13	T + Vườn	4.744,5	4.744,5	400,0	2.564,0	200,0	1.580,5	800,0	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	
			338	13	T + Vườn	5.354,2	5.354,2	400,0	1.490,0	200,0	3.264,2			
3	Nguyễn Văn Bảy, vợ Huỳnh Thị Thu Hà	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	427	13	T + Vườn	1.020,9	1.020,9	400,0	420,9	200,0	0,0	400,0	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	
4	Huỳnh Điệt, vợ Phan Thị Huy	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	424	13	T + Vườn	4.188,3	4.188,3	400,0	1.985,0	200,0	1.603,3	400,0	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	
5	Nguyễn Văn Hào, vợ Lê Thị Phụ	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	331	13	T + Vườn	1.212,2	1.212,2	400,0	612,2	200,0		400,0	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	
6	Nguyễn Văn Mương, vợ Trương Thị Mai	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	330	13	T + Vườn	2.279,5	2.279,5	400,0	1.330,0	200,0	349,5	400,0	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi KCN (m <sup>2</sup> )	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Diện tích đất ở đủ điều kiện giao đất tái định cư (m <sup>2</sup> )	Khu tái định cư	Ghi chú
								Đất ở được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được HT (m <sup>2</sup> )	Đất NN được BT (m <sup>2</sup> )			
7	Cao Cước	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	6	14	T + Vườn	2.517,9	2.517,9	400,0	1.280,0	200,0	637,9	400,0	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	
8	Cao Thị Trữu	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	7	14	T + Vườn	1.870,9	1.870,9	400,0	870,0	200,0	400,9	400,0	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	
9	Hà Thị Mươi	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	219	2	CLN +RSX	8.025,7	7.630,4				7.630,4	0,0	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	Hội đồng xét giao cho hộ 01 lô đất tái định cư. Tiền sử dụng đất phải nộp do Công ty CP Becamex xem xét quyết định
<b>Tổng cộng:</b>											<b>3.600,0</b>			